

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Luật học; Chuyên ngành: Luật Kinh tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN NGỌC HÀ**

2. Ngày tháng năm sinh: 18/06/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phố Tân Hưng, thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phố Tân Hưng, thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): J.1206, Goldsilk Complex, 430 Cầu Am, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0948.180.683; E-mail: hann@ftu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm 2011: Giảng viên Bộ môn Luật, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Ngoại Thương.

Từ năm 2012 đến nay: Giảng viên Bộ môn Pháp luật thương mại quốc tế, Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại Thương.

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Khoa Luật; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Luật.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngoại Thương.

Địa chỉ cơ quan: 91 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (84-4) 3259 5158.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 12 năm 2005; số văn bằng: C 721480, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại Thương (Việt Nam).

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 11 năm 2009; số văn bằng: AIMAI 7802188/2009200802965, ngành: Luật quốc tế, luật châu Âu và luật nước ngoài, chuyên ngành: Luật quốc tế.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Paul Cézanne Aix-Marseille III (Cộng hòa Pháp).

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 10 năm 2015; số văn bằng: UAM 11442368/2015201401452; ngành: Luật, chuyên ngành: Công pháp; chuyên sâu: Luật Thương mại quốc tế.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Aix-Marseille (Cộng hòa Pháp).

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng..... năm..., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày...tháng...năm..., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Học viện Ngoại giao.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Luật học.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Pháp luật thương mại quốc tế với những vấn đề pháp lý về hệ thống thương mại đa biên;**

- **Những vấn đề pháp lý về hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;**

- **Những vấn đề pháp lý về hoạt động của doanh nghiệp trong thương mại quốc tế.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): **08** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành (số lượng): **03** đề tài NCKH cấp cơ sở và 01 đề tài NCKH do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ (tương đương cấp Nhà nước);
- Đã công bố (số lượng): **32** bài báo KH, trong đó **06** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng): **0** bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **10**, trong đó **04** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng: **0** tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương cho nhóm sinh viên đạt giải 3 trong cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2003-2004, theo Quyết định số 157/HĐKT ngày 14/12/2004.
- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học 2009-2010; 2015-2016; 2017-2018; 2019-2020.
- Giải thưởng Luật và Quan hệ quốc tế dành cho Luận án Tiến sĩ xuất sắc nhất năm học 2014-2015 trong lĩnh vực luật và quan hệ quốc tế (1^{er} Prix de droit et relations internationales) của Trường Đại học Aix-Marseille năm 2016.
- Giấy chứng nhận của Ban Tổ chức hội thảo khoa học dành cho giảng viên trẻ các trường đại học khối kinh tế và quản trị kinh doanh (ICYREB 2016) cho tác giả của một trong 10 bài nghiên cứu xuất sắc nhất tại ICYREB 2016 – Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP.
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương vì “Đã có thành tích xuất sắc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhì cuộc thi SVNCKH 2016”, theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHNT-CTCT&SV ngày 22/05/2017.
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương năm học 2018-2019, theo Quyết định số 3287/QĐ-ĐHNT ngày 29/11/2019.
- Giấy chứng nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Đã hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt giải Ba, Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” năm 2019”, theo Quyết định số 4501/QĐ-BDGDĐT ngày 20/11/2019.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo vì “Đã hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ 02 năm học liên tục từ năm 2018-2019 đến năm học 2019-2020”, theo Quyết định số 860/QĐ-BGDĐT ngày 26/02/2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Trong thời gian qua, tôi đã đáp ứng và hoàn thành đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể:

- **Về phẩm chất đạo đức và lối sống:** Có phẩm chất đạo đức tốt, luôn có ý thức giữ gìn và tuân thủ đạo đức nhà giáo; tuân thủ đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tuân thủ đầy đủ các quy định, quy chế có liên quan của Nhà nước và Trường Đại học Ngoại Thương về giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như các yêu cầu khác đối với nhà giáo; không vi phạm đạo đức nhà giáo và không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; có lối sống lành mạnh, hòa đồng và trách nhiệm, sẵn sàng chia sẻ tri thức khoa học và giúp đỡ đồng nghiệp, người học khi cần thiết.

- **Về công tác giảng dạy:** Hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy định mức; thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy để tạo hứng thú cho người học; có nhiều hoạt động nhằm khuyến khích sự sáng tạo và phát huy năng lực cá nhân của người học.

- **Về nghiên cứu khoa học:** Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu theo quy định của pháp luật và quy chế của Nhà trường; có ý thức tìm tòi để phát hiện những vấn đề nghiên cứu mới đối với Việt Nam; nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học thuộc ngành Luật học; tham gia tích cực các hoạt động của nhóm nghiên cứu cũng như hợp tác nghiên cứu ở trong và ngoài nước.

- **Về học tập, tự bồi dưỡng:** Luôn có ý thức học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo để đạt chuẩn về chức danh nghề nghiệp; luôn có ý thức trao đổi kiến thức, kỹ năng, phương pháp sư phạm; có ý thức học hỏi và ứng dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ, trong đó có ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tôi được tuyển dụng làm giảng viên tại Trường Đại học Ngoại Thương từ tháng 12/2005 đến nay, trong đó có 03 tháng thử việc, 01 năm tập sự và 05 năm đi học thạc sỹ và làm nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Pháp. Do đó, tính đến thời điểm hiện tại (tháng 07/2021), thời gian tôi tham gia đào tạo các chương trình từ trình độ đại học trở lên là 9 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	0	0	0	3	315	0	315/445,5/270
2	2016-2017	0	0	1	3	315	8	323/421,5/270
3	2017-2018	0	0	2	3	315	8	323/417/270
3 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	3	3	270	60	330/468/270
5	2019-2020	0	0	2	4	270	60	330/445,5/270
6	2020-2021	0	0	0	5	270	30	300/396/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp.

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ tại nước Pháp lần lượt vào các năm 2009 và năm 2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

Ho

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:.....

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiếng Anh giao tiếp

4. Hướng dẫn thành công NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/B SNT	Chính	Phụ			
1	Tô Thái Ninh		X	X		Tháng 07- 12/2016	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 31/05/2017 theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHNT
2	Vũ Phương Quỳnh		X	X		Tháng 10/2017- 03/2018	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 11/10/2018 theo Quyết định số 2342/QĐ- ĐHNT
3	Nguyễn Thị Phương Huyền		X	X		Tháng 10/2017- 03/2018	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 11/10/2018 theo Quyết định số 2342/QĐ- ĐHNT
4.	Lê Mai Anh		X	X		Tháng 07- 12/2018	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 27/03/2019 theo Quyết định số 626/QĐ-ĐHNT
5.	Nguyễn Doãn Hiệp		X	X		Tháng 07- 12/2018	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 27/03/2019 theo Quyết định số 626/QĐ-ĐHNT

6.	Nguyễn Thị Quỳnh		X	X		Tháng 07-12/2018	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 27/03/2019 theo Quyết định số 626/QĐ-ĐHNT
7.	Nguyễn Huy Hoàng		X	X		Tháng 07-11/2019	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 05/06/2020 theo Quyết định số 998/QĐ-ĐHNT
8.	Nguyễn Mai Chi		X	X		Tháng 07-11/2019	Trường Đại học Ngoại Thương	Ngày 05/06/2020 theo Quyết định số 998/QĐ-ĐHNT

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I.	Trước khi được công nhận TS						
1.	Giáo trình <i>Pháp luật thương mại quốc tế</i>	GT	NXB Lao động, 2011	3		Phần biên soạn: tr. 84-162	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
2.	Giáo trình <i>Pháp luật kinh doanh quốc tế</i>	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012	7		Phần biên soạn: tr. 335-359	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
II.	Sau khi được công nhận PGS/TS						
3.	L'intervention des tierces parties dans le règlement des différends à l'OMC ¹	TK	L'Harmattan, 2016, mã ISBN: 978-2-343-10483-6	01	X	Phần biên soạn: toàn bộ 576 tr.	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương

¹ Có thể xem tại: <https://www.editions-harmattan.fr/livre-l-intervention-des-tierces-parties-dans-le-reglement-des-differends-a-l-omc-ngoc-ha-nguyen-9782343104836-51980.html> (truy cập ngày 20/07/2021).

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
4.	Accord sur la facilitation des échanges de l'OMC pour le Vietnam: L'implication de sa mise en œuvre ²	TK	L'Harmattan, 2017, ISBN: 978-2-343-13003-3	03	X	Phần biên soạn: tr. 15-28, 63-88, 131-148	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
5.	Facilitation des échanges: Expérience européenne et leçons pour le Vietnam ³	TK	Presses universitaires d'Aix-Marseille, 2019, ISBN: 978-2-7314-1131-7	12	X	Đồng chủ biên và phần biên soạn: tr. 101-126	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
6.	La diplomatie commerciale de l'Union européenne en Asie du Sud-Est ⁴	TK	Presses Universitaires de Rennes, 2021, ISBN: 978-2-7535-8087-9	17		Phần biên soạn: tr. 173-192	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
7.	101 Câu hỏi đáp về Công ước của Liên Hiệp Quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	CK	NXB. Thanh niên, 2016, ISBN: 978-606-64-5794-7	7		Phần biên soạn: tr. 93-130	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương

² Có thể xem tại: <https://www.editions-harmattan.fr/livre-accord-sur-la-facilitation-des-echanges-de-l-omc-pour-le-vietnam-les-implications-de-sa-mise-en-oeuvre-ngoc-ha-nguyen-9782343130033-54669.html> (truy cập ngày 20/07/2021).

³ Có thể xem tại: <https://presses-universitaires.univ-amu.fr/facilitation-echanges-experience-europeenne-lecons-vietnam-2> (truy cập ngày 20/07/2021).

⁴ Có thể xem tại: <http://www.pur-editions.fr/detail.php?idOuv=5196> (truy cập ngày 20/07/2021).

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
8.	Textbook on International Trade and Business Law/Giáo trình <i>Pháp luật Thương mại quốc tế</i> (song ngữ)	GT	NXB. Thanh niên, 2017, mã ISBN: 978-604-64-8246-1	19		Phản biên soạn: tr. 218-237, 780-798	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
9	Giáo trình <i>Luật Kinh tế quốc tế</i>	GT	NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 2020, ISBN: 978-604-315-149-7	5		Phản biên soạn: tr. 83-145, 336-359	- Giấy xác nhận ngày 22/07/2021 của Học viện Ngoại giao; - Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương
10.	Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam	CK	NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 2021, ISBN: 978-604-324-066-5	8	X	Phản biên soạn: tr. 38-56; 113-132; 140-151; 309-366; 399-434	Giấy xác nhận ngày 23/07/2021 của Trường Đại học Ngoại Thương

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: **02** sách, bao gồm sách số [5] và [10].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn ghi rõ từ trang..... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I.	Trước khi được công nhận TS				
II.	Sau khi được công nhận TS				
1.	ĐT: L'implication de la mise en oeuvre de l'Accord sur la facilitation des échanges pour le Vietnam ⁵	CN	05/ĐHNT-QLDA-WTI/SECO, Trường Đại học Ngoại Thương, do Bộ Kinh tế và Thương mại Thủy Sản (SECO) tài trợ	01-12/2016	Tháng 12/2016, đề tài được nghiệm thu bởi GS. Pierre Sauvé, chuyên gia của Viện Thương mại quốc tế (WTI, Thủy Sản). Không xếp loại
2.	ĐT: Các giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	CN	NT2016-19, Trường Đại học Ngoại thương	04/2016-06/2017	Ngày 29/08/2017, xếp loại: Tốt
3.	ĐT: Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và những thách thức khi thực thi	CN	CSNT2018-02, Trường Đại học Ngoại Thương	04/2018-09/2019	Ngày 29/09/2019, xếp loại: Tốt
4.	ĐT: Những vấn đề pháp lý cơ bản về hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CN	508.01-2018.01, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (Nafosted)	06/2018-06/2020	Ngày 09/07/2020, xếp loại: Đạt

Lưu ý:

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

⁵ Báo cáo của đề tài được đăng tải tại: <https://www.wti.org/research/publications/1040/implications-de-la-mise-en-uvre-de-laccord-sur-la-facilitation-des-echanges-de-lomc-pour-le-vietnam/> (truy cập ngày 10/06/2021).

Handwritten signature

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số/ trang	Tháng , năm công bố
I.	Trước khi được công nhận TS							
A.	Bài báo được công bố quốc tế							
1.	L'Accord de partenariat transpacifique: Le nouveau modèle pour les accords de libre-échange dans le 21e siècle ? ⁶	01	X	<i>L'Observateur des Nations Unies</i> , ISSN: 1281-3389	Tạp chí do nhà xuất bản của Trường Đại học Aix-Marseille xuất bản ⁷		Vol. 35, 2013-2, tr. 205-232	2013
B.	Bài báo được công bố trong nước							
2.	Nghiên cứu các quy định của pháp luật thương mại Việt Nam về nhượng quyền thương mại	01	X	<i>Tạp chí Kinh tế đối ngoại</i> , ISSN: 1859-4050			Nº. 18, tr. 66-71	2006
3.	Tác động của môi trường pháp luật Việt Nam đến hoạt động của doanh nghiệp sau khi gia nhập WTO	01	X	<i>Tạp chí Kinh tế đối ngoại</i> , ISSN: 1859-4050			Nº. 28, tr. 69-76	2008
4.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	01	X	<i>Tạp chí Kinh tế đối ngoại</i> , ISSN: 1859-4050			Nº. 39, tr. 56-66	2009

⁶ Các thông tin về bài báo này có thể xem được tại: https://www.worldcat.org/title/accord-de-partenariat-transpacifique-le-nouveau-modele-pour-les-accords-de-libre-echange-dans-le-xxie-siecle/oclc/913372118&referer=brief_results (truy cập ngày 20/07/2021).

⁷ Trường Đại học Aix-Marseille được xếp hạng trong 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters, xem tại: <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2021/world-ranking#!/page/0/length/25/name/Aix-Marseille/sort%20by/rank/sort%20order/asc/cols/stats> (truy cập ngày 20/07/2021).

5.	Quy định của Liên minh châu Âu về nền kinh tế thị trường và các vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Kinh tế đối ngoại</i> , ISSN: 1859-4050			Nº. 48, tr. 25-34	2011
6.	Các tranh chấp trong khuôn khổ WTO về điều 9.5 của Quy định số 1225/2009 ngày 30/11/2009 của Hội đồng châu Âu về bảo vệ chống lại việc nhập khẩu hàng hóa bị bán phá giá từ các nước không phải là thành viên của Cộng đồng châu Âu và ý nghĩa đối với Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Luật học</i> , ISSN: 0868-3522			Số đặc biệt về Giải quyết tranh chấp thương mại và kinh doanh quốc tế, tr. 31-42	2012
II.	Sau khi được công nhận TS							
A.	Bài báo được công bố quốc tế							
7.	La démocratisation de la procédure de règlement des différends de l'OMC: Une vraie ouverture pour les acteurs privés? ⁸	01	X	<i>Revue internationale de droit économique</i> , ISSN: 1010-8831	Scopus (Q3 năm 2016, Q4 hiện nay, H-index: 7)		Nº. 3, tr. 339-362	2016
8.	L'ASEAN et la sécurité alimentaire: Enjeux et perspectives ⁹	01	X	<i>L'Observateur des Nations Unies</i> , ISSN: 1281-3389	Tạp chí do nhà xuất bản của Trường Đại học Aix-Marseille xuất bản		Vol. 39 (2015-2), tr. 175-197	2016

⁸ Có thể xem tại: <https://www.cairn.info/revue-internationale-de-droit-economique-2016-3-page-339.htm> (truy cập ngày 20/07/2021).

⁹ Các thông tin về bài báo này có thể xem tại: https://www.worldcat.org/title/asean-et-la-securite-alimentaire-enjeux-et-perspectives/oclc/973728421&referer=brief_results (truy cập ngày 20/07/2021).

905

9.	L'accès aux médicaments: Quelles contributions des règles sur les brevets de l'Accord de partenariat transpacifique global et progressiste ¹⁰	01	X	<i>Médecine & Droit</i> , ISSN: 1246-7391	ISI (ESCI) Q4 năm 2019, Q3 năm 2020, H-index: 7		Nº. 159, tr. 145-152	2019
10.	Les règles sanitaires et environnementales dans les accords de libre-échange du Vietnam: Vers une meilleure protection de la santé et de l'environnement? ¹¹	03	X	<i>Les Cahiers de droit</i> , ISSN: 0007-974X	ISI (ESCI)		Vol. 61, nº. 1, tr. 193-222	2020
11.	L'auto-certification de l'origine selon les accords de libre-échange de la nouvelle génération: Mythe ou réalité pour les pays de l'ASEAN/Self-certification of origin according to new generation free trade agreements: Myth or reality in ASEAN countries? ¹²	02	X	<i>Revue de droit des affaires internationales</i> / <i>International Business Law Journal</i> , ISSN: 1777-5655	Tạp chí do NXB Sweet & Marshall xuất bản ¹³		Nº. 5+6, tr. 871-887	2020

¹⁰ Có thể xem tại: <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1246739119300351> (truy cập ngày 20/07/2021).

¹¹ Có thể xem tại: <https://www.erudit.org/fr/revues/cdl/2020-v61-n1-cd05239/1068785ar/> (truy cập ngày 20/07/2021).

¹² Có thể xem tại: <https://www.iblj.com/abstract.htm?ref=52020871-887> (truy cập ngày 20/07/2021).

¹³ Là NXB xếp hạng B của SENSE (Hà Lan), theo danh mục được xác định bởi Quyết định số 251/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 11/12/2019.

Handwritten signature

B.	Bài báo được công bố trong nước							
12.	Pháp luật về quảng cáo thương mại của Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho Việt Nam	02	X	<i>Tạp chí Kinh tế đối ngoại,</i> ISSN: 1859-4050			Nº. 78, tr. 86-95	2015
13.	Trách nhiệm của Nhà nước và cơ quan nhà nước khi tham gia quan hệ dân sự theo Bộ luật Dân sự năm 2015	01	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 8(340), tr. 11-19	2016
14.	Trung Quốc tham gia với tư cách bên thứ ba vào cơ chế giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại Thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 11(343), tr. 69-76	2016
15.	Thực thi Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới tại Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 4(348), tr. 50-58, 75	2017
16.	Vai trò của các chủ thể tư trong các tranh chấp mà Việt Nam tham gia tại WTO và một số kiến nghị	02	X	<i>Tạp chí Khoa học pháp lý,</i> ISSN: 1859-3879			Nº. 03(106), tr. 53-60	2017
17.	Thực tiễn 10 năm Việt Nam tham gia cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	01	X	<i>Tạp chí Luật học,</i> ISSN: 0868-3522			Nº. 2(213), tr. 3-15	2018

18.	Đào tạo nguồn nhân lực pháp luật tham gia giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của Brazil và kinh nghiệm cho Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Nguồn nhân lực khoa học xã hội,</i> ISSN: 0866-756X			Nº. 6(61), tr. 29-38	2018
19.	Nội luật hóa các cam kết của Việt Nam theo Tổ chức Thương mại Thế giới và các hiệp định thương mại tự do về một số dịch vụ chuyên môn	01	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 9(365), tr. 64-74	2018
20.	Thực trạng điều tra chống bán phá giá ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra	01	X	<i>Tạp chí Luật học,</i> ISSN: 0868-3522			Nº. 9(220), tr. 32-46	2018
21.	Bài học kinh nghiệm từ vụ khởi kiện Indonesia áp dụng biện pháp tự vệ đối với tôn lạnh nhập khẩu từ Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 11(367), tr. 73-84	2018
22.	Một số thách thức khi thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam từ việc chuyển hóa điều ước vào pháp luật trong nước	01	X	<i>Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam,</i> ISSN: 1859-3879			Nº. 3(124), tr. 16-28	2019
23.	Tham gia FTA thế hệ mới: Lợi thế, thách thức và vấn đề đặt ra cho Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Tài chính,</i> ISSN: 2615-8973			Kỳ 1 tháng 06/2019 (706), tr. 12-15	2019

24.	Quy định về trợ cấp nghề cá trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và tác động đối với Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Luật học,</i> ISSN: 0868-3522			Nº. 5(228), tr. 29-42	2019
25.	Thực tiễn sử dụng thủ tục trọng tài theo Điều 22.6 Thỏa thuận về Giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại Thế giới và khuyến nghị đối với Việt Nam	02	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 10(378), tr. 37-46, 60	2019
26.	Quy định về doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP và thách thức đặt ra đối với Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Luật học,</i> ISSN: 0868-3522			Nº. 1(236), tr. 28-40	2020
27.	Cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến trong Liên minh châu Âu và khuyến nghị đối với Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam,</i> ISSN: 1859-3879			Nº. 3(133), tr. 83-95	2020
28.	Áp dụng giải thích phát triển trong giải thích một số quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới và lưu ý đối với Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,</i> ISSN: 0866-7446			Nº. 11(391), tr. 61-75	2020
29.	Các ngoại lệ chung trong GATS: 25 năm áp dụng và lưu ý đối với Việt Nam	01	X	<i>Tạp chí Luật học,</i> ISSN: 0868-3522			Nº. 10(245), tr. 45-58	2020

C. Bài viết đăng trên kỷ yếu Hội thảo quốc tế hoặc Hội thảo quốc gia								
30.	Thực trạng Việt Nam tham gia với tư cách bên thứ ba vào cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO và một số kiến nghị	01	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh lần thứ nhất (ICYREB 2015), <i>Kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa</i> , tập 2, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, ISBN: 978-604-946-051-7			Tr. 677-689	2015
31.	Các mô hình khai thác tài sản trí tuệ địa phương để phát triển du lịch trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Khai thác tài sản trí tuệ địa phương trong phát triển du lịch”, NXB. Lao động và Xã hội, ISBN: 978-604-65-2554-7			Tr. 51-64	2016
32.	Xây dựng thương hiệu điểm đến cho du lịch Hạ Long và một số vấn đề đặt ra	01	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Khai thác tài sản trí tuệ địa phương trong phát triển du lịch”, NXB. Lao động và Xã hội, ISBN: 978-604-65-2554-7			Tr. 445-452	2016

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05, bao gồm các bài số [7], [8], [9], [10], [11].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT thạc sỹ ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng	Tham gia	Quyết định số 2264/QĐ-ĐHNT-ĐBCL ngày 26/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương	Trường Đại học Ngoại Thương	Quyết định số 2915/QĐ-ĐHNT ngày 21/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương	Rà soát
2	CTĐT đại học ngành Luật, chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế	Tham gia	Quyết định số 2264/QĐ-ĐHNT-ĐBCL ngày 26/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương	Trường Đại học Ngoại Thương	Quyết định số 1157/QĐ-ĐHNT ngày 23/05/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương	Rà soát
3.	CTĐT đại học chất lượng cao ngành Luật, chuyên ngành Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	Tham gia (Tổ trưởng Tổ giúp việc)	Quyết định số 1883/QĐ-ĐHNT ngày 24/08/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại Thương	Trường Đại học Ngoại Thương	Quyết định số 213/QĐ-ĐHNT ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương	Xây dựng mới

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):..

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức ☐ danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 ☐ CTKH ; 04 ☐ CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 ☐ CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Ngọc Hà